SỞ Y TẾ TỈNH SƠN LA
BV ĐK KHU VỰC YÊN CHÂU

Số: 88/TB-BVĐK
V/v mời báo giá mua sắm vật tư y tế năm 2026 -2027

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Yên Châu, ngày 17 tháng 12 năm 2025

THÔNG BÁO

Kính gửi: Quý nhà cung cấp

Bệnh viện đa khoa khu vực Yên Châu tỉnh Sơn La kính mời các đơn vị có đủ năng lực và kinh nghiệm cung cấp các hàng hoá, dịch vụ liên quan theo yêu cầu dưới đây vui lòng gửi hồ sơ chào giá cho Bệnh viện theo nội dung cụ thể như sau:

1. Phạm vị cung cấp: *Chi tiết theo danh mục đính kèm.*
2. Địa điểm nhận: Bệnh viện đa khoa khu vực Yên Châu. Địa chỉ: Tiểu khu 5, Xã Yên Châu,Tỉnh Sơn La.
3. Hiệu lực của hồ sơ chào giá: không quá 120 ngày.
4. Yêu cầu về giá chào: Giá chào đã bao gồm các loại thuế, phí, lệ phí theo luật định, chi phí vận chuyển, giao hàng và các yêu cầu khác của bên mời thầu.
5. Thời gian nhận hồ sơ chào giá: Trong vòng 10 ngày, Từ 07h30p ngày 18 tháng 12 năm 2025 đến trước 17h30p ngày 31 tháng 12 năm 2025
6. Quy định về tiếp nhận thông tin và hồ sơ chào giá: Quý đơn vị thực hiện gửi hồ sơ chào giá bản giấy có ký tên, đóng dấu về địa chỉ sau đây: Lê Thị Kim Cúc, Cán bộ văn thư, Số điện thoại: 0852269889, bvdkyc@gmail.com.Địa chỉ: Phòng hành chính- Tổ chức Bệnh viện đa khoa khu vực Yên Châu.

Yêu cầu về đơn vị báo giá: Đơn vị báo giá là một trong các tổ chức, cá nhân sau:

+ Chủ sở hữu số lưu hành thiết bị y tế;
+ Tổ chức, cá nhân được ủy quyền của chủ sở hữu số lưu hành thiết bị y tế;
+ Tổ chức, cá nhân đứng tên trên giấy phép nhập khẩu thiết bị y tế;
+ Tổ chức, cá nhân được ủy quyền của tổ chức, cá nhân đứng tên trên giấy phép nhập khẩu thiết bị y tế.

Việc ủy quyền phải tuân thủ quy định của pháp luật về dân sự.

Các báo giá của các đơn vị không phải là các tổ chức, cá nhân nêu trên được xem là không hợp lệ và báo giá sẽ không được xem xét.

7. Biểu mẫu chào giá: theo mẫu đính kèm (các báo giá không đúng theo mẫu, không đầy đủ thông tin sẽ không được xem xét)

Hồ sơ chào giá của nhà thầu bao gồm các tài liệu sau:

+ Thư chào giá, bảng báo giá của nhà thầu (có ký tên, đóng dấu);
+ Hợp đồng trúng thầu còn hiệu lực đối với các mặt hàng đã trúng thầu tại các cơ

sở y tế (nếu có) hoặc hóa đơn giá trị gia tăng hoặc biên bản nghiệm thu đối với mặt hàng báo giá (nếu có)

+ Tài liệu kỹ thuật của hàng hóa (giấy chứng nhận đăng ký lưu hành, giấy chứng nhận lưu hành tự do (nếu có)), hồ sơ chưng minh tiêu chuẩn chất lượng, giấy phép kinh doanh, giấy chứng nhận đủ điều kiện mua bán trang thiết bị y tế

Đơn vị cung cấp báo giá chịu trách nhiệm cung cấp thông tin về giá của hàng hóa, dịch vụ phù hợp với khả năng cung cấp của mình và phải bảo đảm việc cung cấp báo giá không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá hoặc nâng khống giá (Theo nghị định số 214/2025/NĐ-CP)

Trân trọng.

Nơi Nhận
Như trên;
Phòng KHTH đăng Website;
https://muasamcong.mpi.gov.vn
Lưu: HST,VT, KD-TBYT.

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ TỈNH SƠN LA
BỆNH VIỆN ĐA KHOA KHU VỰC YÊN CHÂU

BSCKII. Lê Thái Hà

CÔNG TY:.....
ĐỊA CHỈ: .....
Số ĐIỆN THOẠI:
Số định danh
Mã số thuế

BẢNG BÁO GIÁ

(Đính kèm theo thông báo số /TB-BVĐK ngày tháng năm 2025)

Kính gửi: Bệnh viện đa khoa khu vực Yên Châu
Địa chỉ: Tiểu khu 5, Xã Yên Châu,Tỉnh Sơn La.
Theo Thông báo mời chào giá số: 88/ TB-BVĐK ngày 17 tháng 12 năm 2025 của Bệnh viện đa khoa khu vực Yên châu về việc mời chào giá, Cộng ty Chúng tôi trân trọng gửi tới quý Bệnh viện bảng báo giá như sau:

TT	TT trong danh mục mời chào giá	Tên hàng hóa (Tên thương mại)	Thông số kỹ thuật	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Quy cách đóng gói	Hãng sản xuất	Nước Sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá đề xuất (có VAT)	Thành tiền (có VAT)	Ghi chú	Đơn giá đã bán cho các đơn vị y tế (Nếu có)	Số hóa đơn đã bán (nếu có) theo Đơn giá đã bán cho các đơn vị y tế (Nếu có)
1															
2															
.....															

Báo giá này có hiệu lực từ ngày ...../...../.....đến ngày..... /...../.....

Chúng tôi cam kết:
** Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.*
** Giá trị của các hàng hóa/dịch vụ nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.*
** Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.*
** Không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá hoặc nâng khống giá (Theo nghị định số 214/2025/NĐ-CP)*

Các thông tin yêu cầu "nếu có" đơn vị có thể không phải thực hiện nếu không có thông tin, các thông tin còn lại bắt buộc phải thực hiện đầy đủ và chính xác

Ngày..... tháng..... năm.....
ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký tên và đóng dấu)

PHỤ LỤC DANH MỤC HÀNG HÓA

Đính kèm theo Thông báo số: 88/TB-BVĐK ngày 17 tháng 12 năm 2025

STT	Mã số theo nhóm (Theo TT 04/2017)	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	N01.01.010	Bông thấm nước	Kg	180	
2	N01.01.010	Bông lót bó bột	Cuộn	100	
3	N01.02.010	Dung dịch sát khuẩn tay nhanh	Chai	150	
4	N01.02.010	Dung dịch sát khuẩn Chlohexidine Gluconate 2%	Chai	100	
5	N01.02.010	Dung dịch rửa tay phẫu thuật, thủ thuật Chlorhexidine 4%	Chai	150	
6	N01.02.020	Cồn 90 độ	Lít	500	
7	N01.02.020	Cồn 70 độ	Lít	500	
8	N01.02.030	Dung dịch khử khuẩn mức độ trung bình dụng cụ y tế	Can	50	
9	N01.02.030	Dung dịch khử khuẩn mức độ cao	Can	80	
10	N01.02.040	Dung dịch phun khử khuẩn nhanh bề mặt xe tiêm, giường bệnh, trang thiết bị, Lồng ấp sơ sinh…	Chai	80	
11	N01.02.040	CloraminB	Kg	50	
12	N01.02.040	Vôi soda dùng trong phòng mổ	Can	6	
13	N01.02.040	Nước tẩy javel	Lít	600	
14	N01.02.040	Viên khử khuẩn	Viên	20.000	
15	N01.02.040	Dầu sả	Lít	600	
16	N01.02.050	Dung dịch tẩy rửa bề mặt dụng cụ chứa Enzyme	Chai	60	
17	N02.01.010	Tất bó bột	Cuộn	50	
18	N02.01.010	Băng bột bó 10 x 4,6	Cuộn	200	
19	N02.01.010	Băng bột bó 15 x 4,6	Cuộn	100	
20	N02.01.010	Bột bó thuỷ tinh	Cuộn	100	
21	N02.01.020	Băng thun 10cm x 4,5m	Cuộn	2.000	
22	N02.01.040	Băng cuộn (10cm x 5m)	Cuộn	5.000	
23	N02.02.020	Băng dính lụa 1,25cm x 5m	Cuộn	1.000	
24	N02.02.020	Băng dính lụa 2,5cm x 5m	Cuộn	10.000	
25	N02.03.020	Gạc hút	Mét	1.000	
26	N02.03.020	Gạc phẫu thuật 10cm x 10cm x 8 lớp, vô trùng	miếng	50.000	
27	N02.03.020	Gạc phẫu thuật 30cm x 40cm x 6 lớp, cản quang, vô trùng	miếng	12.000	
28	N02.03.020	Gạc phẫu thuật 7,5cm x 7,5cm x 8 lớp, vô trùng	miếng	12.000	

29	N02.03.020	Gạc phẫu thuật không dệt 7,5 x 7,5cm x 8 lớp	miếng	6.000	
30	N02.03.020	Gạc cầu đa khoa Φ 30 x 2 lớp vô trùng	miếng	2.000	
31	N02.04.060	Bình hút áp lực âm kín (dẫn lưu áp lực âm)	Cái	200	
32	N03.01.010	Bơm sử dụng để bơm thức ăn cho người bệnh các loại, các cỡ	Cái	300	
33	N03.01.020	Bơm tiêm sử dụng một lần 1 ml	Cái	10.000	
34	N03.01.020	Bơm tiêm sử dụng một lần 3 ml	Cái	5.000	
35	N03.01.020	Bơm tiêm sử dụng một lần 5 ml	Cái	200.000	
36	N03.01.020	Bơm tiêm sử dụng một lần 10 ml	Cái	200.000	
37	N03.01.020	Bơm tiêm sử dụng một lần 20 ml	Cái	70.000	
38	N03.01.020	Bơm tiêm sử dụng một lần 50 ml	Cái	500	
39	N03.01.060	Bơm tiêm Insulin 40 UI	Cái	200.000	
40	N03.02.020	Kim bướm 23G, 25G	Cái	40.000	
41	N03.02.060	Kim lấy thuốc các số	Cái	50.000	
42	N03.02.070	Kim luồn tĩnh mạch an toàn người lớn G18-G22	Cái	40.000	
43	N03.02.070	Kim luồn tĩnh mạch số 24G	Cái	10.000	
44	N03.03.010	Kim chọc tủy sống G18 -G27	Cái	1.200	
45	N03.04.010	Kim châm cứu các loại, các cỡ	Cái	200.000	
46	N03.05.010	Dây truyền dịch	Bộ	80.000	
47	N03.05.030	Bộ dây truyền máu	Bộ	200	
48	N03.05.040	Dây nối máy bơm tiêm điện	Cái	1.000	
49	N03.05.060	Khóa ba ngã không dây nối	Cái	2.000	
50	N03.06.020	Găng tay dài sản khoa	Đôi	500	
51	N03.06.030	Găng tay sử dụng trong thăm khám các cỡ	Đôi	150.000	
52	N03.06.050	Găng tay vô trùng dùng trong thủ thuật, phẫu thuật các cỡ	Đôi	25.000	
53	N03.07.010	Dây cho ăn các số	Cái	500	
54	N03.07.030	Túi máu đơn 250ml	Cái	100	
55	N03.07.030	Túi camera nilon vô trùng M6	Cái	1.500	
56	N03.07.060	Túi nước tiểu	Cái	10.000	
57	N03.07.070	Ống nghiệm EDTA-K2 (nắp cao su)	Ống	100.000	
58	N03.07.070	Ống nghiệm Citrate 3,8%	Ống	15.000	
59	N03.07.070	Ống nghiêm Heparin	Ống	100.000	
60	N03.07.070	Ống nghiệm nhựa 12x75mm có nắp, có nhãn	Ống	120.000	
61	N04.01.030	Ống đặt nội khí quản các số có bóng chèn các sô	Cái	1.000	
62	N04.01.080	Dây thở oxy 2 nhánh	Cái	3.000	
63	N04.01.090	Sonde foley 2 nhánh	Cái	2.500	
64	N04.01.090	Sonde foley 3 nhánh	Cái	100	

65	N04.01.090	Sonde Nelaton các số	Cái	2.000	
66	N04.01.090	Sonde dẫn lưu ổ bụng	Cái	1.000	
67	N04.02.060	Dây hút nhớt các số	Chiếc	10.000	
68	N04.04.010	Catheter tĩnh mạch trung tâm 2 nòng	Bộ	2	
69	N05.02.030	Chỉ khâu không tiêu Polypropylene, các số	Sợi	100	
70	N05.02.040	Chỉ tiêu tổng hợp Polyglactin 910, Các số: 0; 1; 2; 1/0;2/0; 3/0; 4/0; 5/0	Sợi	1.800	
71	N05.02.040	Chỉ Nylon 3/0;4/0 (dapylon)	Sợi	1.500	
72	N05.02.050	Chỉ phẫu thuật Chromic Cutgut các số	Sợi	1.500	
73	N05.02.070	Chỉ thép 0.8	Cuôn	4	
74	N05.02.070	Chỉ thép 1,0	Cuộn	4	
75	N05.03.030	Tay dao điện	Cái	1.500	
76	N05.03.080	Lưỡi dao mổ các số	Cái	3.000	
77	N07.04.070	Lưới điều trị thoát vị loại tự dính, cỡ 6 × 11cm	Tấm	10	
78	N07.06.040	Đinh kít ne đường kính các cỡ	Cái	100	
79	N07.06.040	Vít xương cứng đường kính 3.5mm các cỡ	Cái	200	
80	N07.06.040	Vít xương cứng đường kính 4.5mm các cỡ	Cái	150	
81	N07.06.040	Vít xốp đường kính 4.0mm các cỡ	Cái	10	
82	N07.06.040	Nẹp chữ "L" phải 4; 5; 6 lỗ thân	Cái	2	
83	N07.06.040	Nẹp chữ "L" trái 4;5;6 lỗ thân	Cái	2	
84	N07.06.040	Nẹp bản nhỏ các cỡ	Cái	44	
85	N07.06.040	Nẹp bản hẹp các cỡ	Cái	22	
86	N07.06.040	Nẹp bản rộng các cỡ	Cái	5	
87	N07.06.040	Nẹp chữ T nhỏ 3 lỗ đầu(3 thân, 4 thân, 5 thân) vít 3.5	Cái	2	
88	N07.06.040	Nẹp chữ T các cỡ	Cái	2	
89	N07.06.040	Nẹp mắt xích các cỡ	Cái	22	
90	N07.06.040	Nẹp khóa bản hẹp 6 lỗ	Cái	5	
91	N07.06.040	Nẹp khóa bản hẹp 8 lỗ	Cái	5	
92	N07.06.040	Nẹp khóa mắt xích 6 lỗ	Cái	5	
93	N07.06.040	Nẹp khóa mắt xích 8 lỗ	Cái	5	
94	N07.06.040	Nẹp khóa bản rộng 6 lỗ	Cái	1	
95	N07.06.040	Nẹp khóa bản rộng 8 lỗ	Cái	3	
96	N07.06.040	Vít khóa đường kính 3,5mm	Cái	15	
97	N07.06.040	Vít khóa đường kính 4,5mm	Cái	20	
98	N08.00.190	Đầu côn vàng	Cái	70.000	
99	N08.00.240	Đè lưỡi gỗ	cái	5.000	
100	N08.00.260	Kẹp rốn	Cái	3.000	

101	N08.00.260	Kẹp hemolock size XL	Cái	1.500	
102	N08.00.310	Mặt nạ thở ô- xy các cỡ	Cái	100	
103	N08.00.310	Mask khí dung	Cái	5.000	
104	N10	Khẩu trang giấy y tế 3 lớp tiệt trùng	Cái	15.000	
105	N10	Mũ giấy y tế	Cái	15.000	
106	N10	Nhiệt kế	Cái	400	
107	N10	Dầu farapin	Chai	5	
108	N10	Gel Siêu âm	Can	50	
109	N10	Giấy siêu âm	Cuộn	300	
110	N10	Gel điện tim	Tuýp	30	
111	N10	Giấy điện tim 3 cần	Tập	400	
112	N10	Gel bôi trơn	Tuýp	50	
113	N10	LIDOGEL 2%	Tuýp	50	
114	N10	Túi hấp tiệt trùng 150mm *200m	Cuộn	5	
115	N10	Túi hấp tiệt trùng 250mm *200m	Cuộn	10	
116	N10	Túi hấp tiệt trùng 300mm *200m	Cuộn	8	
117	N10	Băng chỉ thị nhiệt 25mm*50m	Cuộn	15	
118	N10	Dây Garo	Cái	160	
Tổng cộng: 118 mặt hàng					

Ghi chú: *Nội dung đặc tính hàng hóa có nêu tên cụ thể nhãn hiệu, quy cách, thông số kỹ thuật, tiêu chuẩ chất lượng chỉ mang tính chất minh họa cho một loại hàng hóa cụ thể, các Công ty tham gia gửi báo gi về Bệnh viện có thể gửi báo giá có các loại hàng hóa khác có đặc tính kỹ thuật tương đương./.*